



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

Số: HQ.25.01674

**Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:**

**Tên sản phẩm** : Gluten lúa mỳ (Vital Wheat Gluten)  
**Số lượng/ khối lượng** : 4.400 bao/110.000 kg  
**Hãng, nước sản xuất** : Guanxian Xinrui Industrial Co., Ltd. (China)  
**Thuộc lô hàng nhập khẩu**  
Hợp đồng số : PO2412-0173 ngày 23/12/2024  
Hóa đơn số : VWG2025020801-3 ngày 01/4/2025  
Vận đơn số : 034F515315  
Ngày sản xuất : 18/3/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng : 2234/HQ-GDK-TTKN ngày 07/4/2025  
(Mã hồ sơ: BNNPTNT29250034020)  
**Đơn vị được cấp** : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VICTA**  
Địa chỉ: lô TH-1B, đường số 7, khu thương mại Nam, khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Phương thức đánh giá** : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
**Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật** : QCVN 01-190:2020/BNNPTNT, sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT  
**Có giá trị đến ngày** : Hết hạn sử dụng sản phẩm

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Quyết định chứng nhận**  
Số: 223 /QĐ-TTKN-CNKN  
Ngày 22 tháng 4 năm 2025



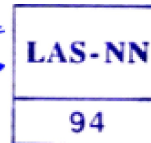
**Lê Văn Yên**





TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: 3k.trungtamvung1@gmail.com



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 4054/2025/TTVI-KN

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng II  
Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : 135A Pasteur, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh  
Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Đào Duy Thu  
Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy sản  
Mã số mẫu/Sample code : 11112504687  
Ngày nhận mẫu/Receiving date : 18/04/2025  
Ngày phân tích/Analysing date : 18/04/2025

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                  | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit     | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------|--------------------|---------------------------------|
| 0425199/HQV2<br>GLUTEN LÚA MỠ<br>BNNPTNT29250034<br>020 | Aflatoxin B1                           | µg/kg<br>(LOQ=1) | KPH                | TCVN 9126:2011                  |

Cần Thơ, ngày/date: 21/04/2025

**GIÁM ĐỐC/DIRECTOR**



**Nguyễn Đình Xuân Quý**

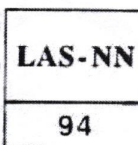
**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Add: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: astac.mk@gmail.com



## PHIẾU YÊU CẦU/ REQUISITION FORM

Số/No.: 1111 / 2025

### 1. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG YÊU CẦU/ CUSTOMER INFORMATION REQUESTED

#### a. Đơn vị/ người gửi mẫu/ Sample sender:

Tên / Name: Trung tâm KN, KN, KĐ NTTS vùng II

Địa chỉ/ Address: 135A, Pasteur, P. Võ Thị Sáu, Quận III, TP.HCM

Số điện thoại/Tel: ..... Email: .....

Người liên hệ/ Contact Person: Đào Duy Thu . Điện thoại/Tel: 0356743969

#### b. Thông tin xuất hóa đơn/ Billing information (☐ Có/Yes; ☐ Không/No):

Tên / Name: .....

Địa chỉ/ Address: .....

Mã số thuế/ Tax code: .....

E-mail gửi hoá đơn: .....

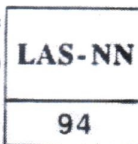
#### c. Thông tin mẫu / Sample information

| TT | Tên mẫu/<br>Sample name                                | Mô tả mẫu/<br>Sample<br>description                                           | Khối<br>lượng/Weight<br>hoặc/or<br>Thể tích/<br>Volume | Chỉ tiêu yêu cầu/<br>Required<br>parameter                                                                                                                             | Phương pháp<br>thử/ Test method<br>(nếu có/ if any) | Mã số<br>mẫu/<br>Sample<br>code |
|----|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------|
|    | 0425195/HQV2<br>Pathorol™<br>BNNPTNT29250034278        | Dạng lỏng,<br>màu nâu.<br>Đóng chai<br>có túi PE<br>quần kín<br>(Kemin)       | 02 mẫu 500g                                            | Asen (As) vô cơ<br>(mg/kg);<br>Chì (Pb) (mg/kg);<br>Thủy ngân (Hg)<br>(mg/kg);<br>Escherichia coli<br>(CFU/g);<br>Salmonella spp.<br>(CFU/25g)                         | Bảng 3<br>QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT             |                                 |
|    | 0425196/HQV2<br>AQUAVIBRA™<br>BNNPTNT29250034272       | Dạng bột,<br>hạt, màu<br>trắng. Đóng<br>túi PE quần<br>kín<br>(Kemin)         | 02 mẫu 500g                                            | Asen (As) vô cơ<br>(mg/kg); Cadimi<br>(Cd) (mg/kg);<br>Chì (Pb) (mg/kg);<br>Thủy ngân (Hg)<br>(mg/kg);<br>Escherichia coli<br>(CFU/g);<br>Salmonella spp.<br>(CFU/25g) | Bảng 1,3<br>QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT           |                                 |
|    | 0425197/HQV2<br>OXIVIA™ C 110 LQ<br>BNNPTNT29250034272 | Dạng lỏng,<br>màu vàng<br>nhạt. Đóng<br>chai có túi<br>PE quần kín<br>(Kemin) | 01 mẫu 500g                                            | Asen (As) vô cơ<br>(mg/kg); Cadimi<br>(Cd) (mg/kg);<br>Chì (Pb) (mg/kg);<br>Thủy ngân (Hg)                                                                             | Bảng 6<br>QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT             |                                 |



TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN  
**TRUNG TÂM VÙNG I**

ĐC/Address: số 9 Nguyễn Văn Cừ, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ  
ĐT/Phone: 024 3724 6077 (nhánh số 6) hoặc 092 327 9799  
Email: astac.mk@gmail.com



|                                                     |                                                                |             |                         |                                         |  |
|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|-----------------------------------------|--|
| 0425198/HQV2<br>SODIUM HUMATE<br>BNNPTNT29250034168 | Dạng bột,<br>màu đen.<br>Đóng túi PE<br>quần kín<br>(LT.Thành) | 01 mẫu 500g | (mg/kg);                | Bảng 5<br>QCVN 02-31-2:<br>2019/BNNPTNT |  |
| 0425199/HQV2<br>GLUTEN LÚA MỸ<br>BNNPTNT29250034020 | Dạng bột,<br>màu trắng,<br>Đóng túi PE<br>quần kín<br>(Vicia)  | 01 mẫu 500g | Aflatoxin B1<br>(µg/kg) | QCVN 01-<br>190:2020/<br>BNNPTNT        |  |

**c. Yêu cầu khác/ Other requirements**

Mục đích / Purpose:

☒ Thử nghiệm/ Analysis; ☐ Giám định/ Assess; ☐ Khác/ other: .....

Trả kết quả/ Result format: ☐ Trực tiếp/Directly; ☒ Thư/Letter; ☒ Email (bản ký số/digital signature)

Nhà thầu phụ/Subcontractor (If any): ☐

Nhận lại mẫu sau thử nghiệm/ Returning sample request : ☐ Có/Yes ☒ Không/No

Yêu cầu khác/ Other requirements (nếu có/if any):

**Người gửi mẫu/  
Customer**

**Đào Duy Thu**

**2. XÁC NHẬN CỦA TRUNG TÂM/ ASTAC VERIFICATION**

Ngày nhận mẫu/ Date of receiving:.....Sth 18/11/2025.....

Ngày dự kiến trả kết quả / Expected date of issue: .....22/11/2025.....

Tình trạng bao gói mẫu/ Sample packaging condition: ☒ Nguyên vẹn/ Intact; ☐ Không nguyên vẹn/ Not Intact

Nhiệt độ bảo quản mẫu/ Sample storage temperature: ☒ Môi trường/ Environmental; ☐ Lạnh/ cold; ☐ Đông lạnh/ Frozen

Ghi chú/note: .....

**Người nhận  
mẫu/  
Recipient**

**Ghi chú:**

- Quý khách hàng ghi đúng, đầy đủ thông tin theo nhu cầu vào mục 1 ngoại trừ cột “Mã số mẫu/ Sample code”, Trung tâm không chịu trách nhiệm về các thông tin do khách hàng cung cấp/ Customers must fill in correct and complete information according to their needs in section 1 except for the "Sample code" column. ASTAC is not responsible for the information provided by customers.

- Quý khách hàng yêu cầu phương pháp cụ thể thì ghi ký hiệu phương pháp vào cột “Phương pháp thử”, trong trường hợp khách hàng không yêu cầu Trung tâm sẽ sử dụng phương pháp phù hợp để phân tích/ If the customer requires a specific method, please write the method symbol in the "Test method" column. If the customer does not request, ASTAC will use the appropriate method for analysis.

- Trung tâm cam kết bảo mật thông tin của khách hàng, ngoại trừ việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật Việt Nam/ ASTAC is committed to keeping customer information confidential, except in compliance with the provisions of Vietnamese law.